

Bản án số: 106/2024/HS-PT
Ngày 02-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 92/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Lê Khắc G và bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Khắc G, sinh ngày 03/8/2004, tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: phụ xe; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Khắc N, sinh năm 1978 và bà Lương Thị Đ, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Danh Quốc T, sinh ngày 28/7/2005, tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh P, sinh năm 1976 và bà Thị Ngọc G1, sinh năm 1983; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 21/6/2023, bị Công an huyện B xử phạt 7.000.000 đồng về hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 07/QĐ-XPHC, bị cáo đã chấp hành xong việc nộp phạt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Danh Quốc T: Ông Nguyễn Tuấn S là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có đơn xin vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo, 01 bị hại, 08 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Khắc G, Lê Khả V, Danh Quốc T và Bùi Văn M (sinh ngày 18/01/2008), Võ Tuấn V1 (sinh ngày 10/9/2007), Trần Hoàng Đ1 (sinh ngày 29/8/2008) là bạn bè. Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 06/5/2023, G, V, T, M, V1 cùng uống nước tại quán cà phê Anh P1 ở đường T, thuộc khu phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Tại đây, G rủ V, T cùng đi trộm cây mai để bán lấy tiền tiêu xài thì T và V đồng ý. Lúc này, V1 và M có nghe thấy việc G, V, T nói chuyện về việc đi trộm cây mai nhưng G không rủ V1 và M đi cùng. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/5/2023, G điều khiển xe mô tô biển số 61E1-387.98 đi một mình, V điều khiển xe mô tô biển số 61N1-178.84 chở T đi từ quán cà phê A P1 đến vườn mai của ông Hồ Văn Q và bà Hồ Thị T1 tại đường T thuộc ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương để trộm mai, còn M và V1 cũng điều khiển xe mô tô đi đến phòng trọ của Đ1 ở khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương chơi. Khi đến vườn cây mai của ông Q và bà T1, G, V, T giấu xe mô tô ở vườn cây cao su đối diện vườn cây mai rồi đi bộ đến hàng rào lưới B40 của vườn cây mai. Do không thấy có ai trông coi vườn mai nên G, V, T dùng chân đè hàng rào lưới B40 hướng xuống đất để đi vào vườn mai. T đứng ở bên ngoài hàng rào cảnh giới cho G, V. Bị cáo G dùng hai tay kéo bật gốc 02 cây mai và V dùng hai tay kéo bật gốc 03 cây mai đang được trồng trong chậu cây kiểng rồi đưa qua hàng rào cho T đứng bên ngoài đem ra khỏi vườn cây mai. Sau khi trộm được 05 cây mai, G, V, T để 02 cây mai sát hàng rào rồi dùng xe mô tô biển số 61E1-387.98 và xe mô tô biển số 61N1-178.84 chở 03 cây mai còn lại giấu ở vườn cao su cách vườn cây mai khoảng 150m. Do lấy trộm 05 cây mai và sợ bị phát hiện nên G cùng với T, V điều khiển xe mô tô đi đến phòng trọ của Đ1 ở khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương để G rủ Đ1, M, V1 cùng đi tham gia chở 05 cây mai trộm cắp được mang đi bán rồi chia tiền cho nhau tiêu xài thì Đ1, M, V1 đồng ý. Sau đó, G điều khiển xe mô tô biển số 61N1-218.24 chở M; V1 điều khiển xe mô tô biển số 61NA-009.94 chở Đ1; V điều khiển xe mô tô biển số 61N1-178.84 chở T quay lại vườn cây mai của ông Q. Khi đến nơi, G vào vườn cây cao su lấy 01 cây mai đã giấu trước đó đưa cho M ngồi sau xe ôm; T và V lấy 2 cây mai để ở hàng rào đưa cho V1 và Đ1 rồi vào vườn cây cao su lấy 02 cây mai đã giấu trước đó rồi cùng nhau điều khiển xe quay lại phòng trọ của Đ1. Trên đường đi, G điều khiển xe biển số 61N1-218.24 chở M đến đường T thuộc ấp A, xã T, huyện B giấu cây mai ở một bụi cây ven đường rồi điều khiển xe về phòng trọ của Đ1. V điều khiển xe mô tô biển số 61N1-178.84 chở T đến đường tạo lực thuộc ấp A, xã T giấu 2 cây mai ở vườn cây cao su. V1 điều khiển xe mô tô biển số 61NA-009.94 chở Đ1 mang 02 cây mai đến để ở lề đường vào phòng trọ của Đ1 rồi V1 điều khiển xe về nhà. Thấy vậy, Đ1 và V mang 02 cây mai này giấu ở vườn cây trà trước khu nhà trọ

của Đ1. Để tránh bị phát hiện, T, G, M, V thống nhất tiếp tục giấu 05 cây mai trộm cắp được rồi sẽ bán sau rồi T, G, M, V đi về nhà. Khoảng 05 giờ ngày 07/5/2023, G sợ bị phát hiện nên mang cây mai mà G cùng M đã giấu ở đường T 13 để trước cổng vườn cây mai của ông Q. Khoảng 12 giờ ngày 07/5/2023, V lấy cây mai giấu ở khu vườn tràm trước phòng trọ của Đ1 mang bán cho ông Nguyễn Ngọc S1 (sinh năm 1996, nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương), ông S1 trả cây mai với giá 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Khi bán cho ông S1, V nói là cây mai của một người em nhờ bán giùm nên ông S1 đồng ý mua và trả trước cho V 320.000 (ba trăm hai mươi nghìn) đồng còn nợ lại 30.000 (ba mươi nghìn) đồng. Sau đó V, T chia nhau mỗi người 160.000 đồng (Một trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiêu xài cá nhân hết. Cùng ngày 07/5/2023, ông Q là chủ vườn mai phát hiện bị mất trộm 05 cây mai nên trình báo Công an. Công an xã T mời G, V, M, V1, Đ1 đến làm việc và G, V, M, V1, Đ1 khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của ông Q. Công an xã T lập hồ sơ ban đầu chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã mời T đến làm việc và T khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của ông Q. Công an xã T và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành thu giữ tài sản gồm:

- 01 (một) cây mai cao 1,7m, hoành gốc 19cm; 01 (một) cây mai cao 01m, hoành gốc 30cm; 01 (một) cây mai cao 1,1m, hoành gốc 35cm; 01 (một) cây mai cao 1,2m, hoành gốc 24cm; 01 (một) cây mai cao 1,3m, hoành gốc 26cm; tất cả thuộc loại cây hoa mai vàng tám cánh,

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter biển số 61E1- 387.98 cùng 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61E1-387.98 mang tên Lê Khắc N;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vario biển số 61N1-178.84;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius biển số 61N1-218.24;

- 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave biển số 61NA-009.94;

Tại Kết luận số 62/KLHD-ĐGTS ngày 07/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 05 (năm) cây mai, loại cây hoa mai vàng tám cánh gồm: 01 (một) cây cao 1,7m hoành gốc 19cm; 01 (một) cây cao 01m hoành gốc 30cm; 01 (một) cây cao 1,1m hoành gốc 35cm; 01 (một) cây cao 1,2m hoành gốc 24cm; 01 (một) cây cao 1,3m hoành gốc 26cm tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng trị giá 5.920.000 (năm triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng.

Ngày 11/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định xử lý tài sản số 31 trả lại cho ông Hồ Văn Q 05 (năm) cây mai nêu trên.

Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter biển số 61E1- 387.98 do ông Lê Khắc N là cha của bị cáo Lê Khắc G đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 06/5/2023, ông N để xe mô tô trên ở nhà và đi ngủ. Việc G sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội ông N không biết. Ngày 10/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 20 trả lại xe này cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông N ngày 14/01/2024.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vario biển số 61N1-178.84 do bà Thị Ngọc G1 là mẹ của bị cáo Danh Quốc T đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 06/5/2023, bà G1 đi làm ca đêm và để xe mô tô trên ở nhà. Việc T sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội bà G1 không biết. Ngày 10/01/2024 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 20 trả lại xe này cho bà G1 ngày 11/01/2024.

Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius biển số 61N1-218.24 do bà Lê Thị Tuyết M1 là mẹ của Bùi Văn M đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 06/5/2023, bà M1 đi cạo mủ cao su và để xe mô tô trên ở nhà. Việc M sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội bà M1 không biết. Ngày 10/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 20 trả lại xe này cho bà M1 ngày 11/01/2024.

Xe mô tô kiểu dáng Wave biển số 61NA-009.94 do bà Nguyễn Thị H là mẹ của Võ Tuấn V1 đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 06/5/2023, bà H đi làm ca đêm và để xe mô tô trên ở nhà. Việc V1 sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội bà H không biết. Ngày 10/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 20 trả lại xe này cho bà H ngày 11/01/2024.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Các bị cáo Lê Khắc G, Lê Khả V, Danh Quốc T đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại ông Hồ Văn Q và bà Hồ Thị T1 số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, ông Q và bà T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Ông Nguyễn Ngọc S1 không yêu cầu Lê Khả V và Danh Quốc T trả lại số tiền 320.000 (ba trăm hai mươi nghìn) đồng đã mua cây mai.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS-BTU ngày 18/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Khắc G, Lê Khả V, Danh Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Khắc G, Lê Khả V, Danh Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Lê Khắc G 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Danh Quốc T;

Xử phạt bị cáo Danh Quốc T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lê Khả V 06 (sáu) tháng tù, tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, bị cáo Lê Khắc G kháng cáo bản án sơ thẩm, xin được hưởng án treo.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, bị cáo Danh Quốc T kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Khắc G, Danh Quốc T kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới; bị cáo T ngày 06/5/2023, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp, ngày 21/6/2023 có hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an huyện B xử phạt 7.000.000 đồng về là thuộc trường hợp có nhân thân xấu, cấp sơ thẩm xác định bị cáo có tiền sự là chưa chính xác, tuy nhiên mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về nhân thân bị cáo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Khắc G, Danh Quốc T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo Lê Khắc G, Danh Quốc T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Khắc G, Danh Quốc T được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Khắc G, Danh Quốc T khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: khoảng 22 giờ 00 phút ngày 06/5/2023, Lê Khắc G, Lê Khả V, Danh Quốc T và Bùi Văn M (sinh ngày 18/01/2008), Võ Tuấn V1 (sinh ngày 10/9/2007), Trần Hoàng Đ1 (sinh ngày 29/8/2008) cùng uống nước tại quán cà phê Anh P1 ở đường T, khu phố C, thị trấn T, huyện B. Tại đây, do cần tiền tiêu xài nên G rủ V, T cùng đi trộm cây mai để bán lấy tiền tiêu xài thì T và V đồng ý. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/5/2023, Lê Khắc G, Lê Khả V và Danh Quốc T đi từ quán cà phê A P1 đến vườn mai của ông Hồ Văn Q để trộm mai, lợi dụng sơ hở không có người trông coi, G, V và T đã lén lút lấy trộm 05 cây mai của ông Q. Sau đó G rủ Đ1, M, V1 cùng T, V chở 05 cây mai đi cất giấu để bán lấy tiền tiêu xài. Tổng trị giá 05 cây mai bị chiếm đoạt là 5.920.000 đồng (năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Do đó, Tòa

án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức các bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo: tại cấp phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp và không nặng. Xét bị cáo G là người khởi xướng, bị cáo T sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, vụ việc đang điều tra xử lý lại tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy và bị xử phạt hành chính, việc cho các bị cáo hưởng án treo là không nghiêm. Do đó, kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Đối với phần nhân thân bị cáo T cấp sơ thẩm xác định tiền sự là không đúng nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc không chấp nhận kháng cáo đối với bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Đối với 360.000 đồng tiền thu lợi bất chính bản án sơ thẩm buộc bị cáo T nộp lại, ngày 09/4/2024 bị cáo Danh Quốc T đã nộp 360.000 đồng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344; Điều 345; điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Khắc G, Danh Quốc T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Khắc G, Danh Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Khắc G:

- Xử phạt bị cáo Lê Khắc G 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Danh Quốc T;

Xử phạt bị cáo Danh Quốc T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 360.000 đồng do bị cáo Danh Quốc T (bà Thị Ngọc G2 nộp thay) theo Biên lai thu tiền số 0002877 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Dương để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Khắc G và Danh Quốc T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (01);
- Tòa án nhân dân huyện B (06);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an huyện B (01);
- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng khác (01);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (03);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (04), HTHT, 28.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Quân Vương